TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **31**/2020/QĐST-HNGĐ	*Kim Động, ngày 26 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1977; quê quán và nơi ở hiện nay: thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Đăng ký HKTT: thôn N, xã P, huyện KC, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Ông **Lê Văn M**, sinh năm 1971; trú tại: thôn N, xã P, huyện KC, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Lê Văn D, sinh ngày 15/8/2012 là con chung của ông M và bà H (hiện đang ở cùng ông M tại thôn N, xã P, huyện KC, tỉnh Hưng Yên). Người đại diện theo pháp luật cho cháu D: Bà Lê Thị H và ông Lê Văn M.

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 18 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18/3/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị H và ông Lê Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: bà Lê Thị H và ông Lê Văn M tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà H và ông M có 03 con chung là Lê Thị H1, sinh ngày 28/11/1995; Lê Thị P, sinh ngày 11/02/1997 và Lê Văn D, sinh ngày 15/8/2012. Chị H1 và chị P đã thành niên và lập gia đình riêng nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Cháu Lê Văn D là người chưa thành niên và hiện đang ở cùng với bố (ông M); do đó, ông M và bà H thỏa thuận, ông M tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến tuổi thành niên, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung; công nợ; công sức; ruộng canh tác: Bà H và ông M tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

2.4. Về án phí: Bà H tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0001757 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Trả lại bà Lê Thị H 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (Phòng KTNV và THAHS);
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P, huyện KC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Quốc Huy